

Số: 5665/2024/QĐST-LĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số: 288/2024/TLST-LĐST ngày 23/10/2024 về việc: “Tranh chấp tiền lương và bảo hiểm xã hội”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1984;

CCCD: 095184010642;

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Công ty TNHH N;

Địa chỉ trụ sở: Lô E đường K, khu công nghiệp C, cụm B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Châu Thiên H, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: Lô E đường K, khu công nghiệp C, cụm B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 2711-3/2024/UQ-PT ngày 27/11/2024).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Trần Ngọc L, bị đơn Công ty TNHH N cùng thống nhất

thỏa thuận:

2.1. Nguyên đơn bà Trần Ngọc L và bị đơn Công ty TNHH N cùng thống nhất chấm dứt quan hệ lao động theo Quyết định thôi việc số 34/2024/PT-TV ngày 28/8/2024 của Công ty TNHH N.

2.2. Nguyên đơn bà Trần Ngọc L và bị đơn Công ty TNHH N xác định đến ngày 11/12/2024, Công ty TNHH N còn nợ bà Trần Ngọc L tiền lương 04 (bốn) tháng từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024 tổng số tiền 20.444.000 (Hai mươi triệu bốn trăm bốn mươi tư nghìn) đồng, cụ thể: Tháng 4/2024: 5.922.000 đồng; Tháng 5/2024: 8.018.000 đồng; Tháng 6/2024: 1.777.000 đồng; Tháng 7/2024: 4.727.000 đồng. Công ty TNHH N chưa đóng Bảo hiểm xã hội cho bà Trần Ngọc L 01 năm 8 tháng (tính từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2024) cho bà L và Công ty TNHH N chưa chốt sổ Bảo hiểm xã hội 4799521200716 cho bà L.

2.3. Bị đơn Công ty TNHH N có trách nhiệm trả cho bà Trần Ngọc L tổng số tiền lương còn nợ từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024 tổng số tiền 20.444.000 (Hai mươi triệu bốn trăm bốn mươi tư nghìn) đồng theo phương thức như sau: Công ty TNHH N cam kết sẽ thanh toán cho nguyên đơn 5.000.000 (Năm triệu) đồng ngày 25/01/2025. Đối với số tiền nợ còn lại là 15.444.000 (Mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi tư nghìn) đồng bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn chậm nhất vào ngày 31/3/2025.

Trường hợp đến thời hạn, bị đơn Công ty TNHH N chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo quy định thì hàng tháng bị đơn Công ty TNHH N phải thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Ngọc L tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.4. Nguyên đơn bà Trần Ngọc L và bị đơn Công ty TNHH N có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội tính từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2024 theo quy định và Công ty TNHH N chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Trần Ngọc L chậm nhất vào ngày 31/3/2025.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí: Án phí hòa giải thành đối với tranh chấp về tiền lương là 306.660 đồng (Ba trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm sáu mươi đồng), án phí hòa giải thành đối với yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm xã hội, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Trần Ngọc L là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) Công ty TNHH N phải chịu. Tổng số tiền án phí hòa giải thành Công ty TNHH N phải chịu là 456.660 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu